

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 14/4/2023  
V/v “Kiện ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI  
**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Lan Hương
- Bà Vũ Thị Hòa;

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Hoàng Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2023/TLST - HNGĐ ngày 06/2/2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 giữa :

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T - sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2 tỉnh Lào Cai (Địa chỉ thôn Đ, xã T, thành phố Lào Cai). (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1991 không có đăng ký kết hôn và chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Năm 2014 chị T có đến UBND xã C, huyện T, tỉnh L hỏi về giấy đăng ký kết hôn thì được cán bộ xã cấp cho 01 giấy chứng nhận kết hôn bản sao. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình, nghiện ma túy. Chị T đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không cai được nghiện. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn T theo quy định.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Lê Nguyên K sinh năm 1994 và cháu Hoàng Xuân S sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn T có ý kiến như sau: Anh Hoàng Văn T xác định vợ chồng anh chị chung sống với nhau từ năm 1991 không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, anh cũng không rõ nguyên nhân là gì, tuy nhiên anh xác nhận anh bị nghiện ma túy và hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2 tỉnh Lào Cai. Đến nay chị T làm đơn ly hôn, anh T cũng nhất trí nhưng anh không ký vào văn bản của Tòa án. Về con chung, tài sản chung anh T không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 Điều 28; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp 01 bản sao đăng ký kết hôn do UBND xã C, huyện T, tỉnh Ln cấp ghi ngày đăng ký kết hôn là ngày 17/12/2006. Tuy nhiên theo công văn số 144 ngày 01/3/2023 của UBND xã C, huyện T, tỉnh L xác định chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T không có hồ sơ đăng ký kết hôn lưu tại ủy

ban nhân dân xã C; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa chị T và anh T không hợp pháp vì trong tàng thư hộ tịch không có lưu hồ sơ đăng ký kết hôn của anh T và chị T. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Lời khai của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình, nghiện ma túy nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là Hoàng Lê Nguyên K sinh năm 1994 và cháu Hoàng Xuân S sinh năm 1999. Hiện các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường và đã đến tuổi trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000040 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào cai (2);
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Lưu HS; TA; VP.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Hòa**

**Vũ Thị Lan Hương**

**Hà Thị Anh**





